

Bài 4

Phân tích khả năng thanh toán và dòng tiền

TS. Trần Thị Thanh Tú
Khoa Ngân hàng – Tài chính, ĐHKQTĐ

Phân tích khả năng thanh toán và dòng tiền

- Giải thích mối liên hệ của các dòng tiền trong phân tích hoạt động kinh doanh.
- Hiểu rõ các chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán
- Mô tả báo cáo về các loại dòng tiền trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
- Hiểu rõ các dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Mô tả một số phương pháp xác định dòng tiền và ưu điểm của các phương pháp này.

Phân tích khả năng thanh toán và dòng tiền

- Các khái niệm dòng tiền
- Phân biệt dòng tiền và lợi nhuận kế toán
- Phân biệt dòng tiền của dự án và dòng tiền trên báo cáo LCTT
- Dòng tiền tự do

Phân tích khả năng thanh toán

- **Khả năng thanh toán** là khả năng chuyển đổi thành tiền mặt của các tài sản và nợ.
- **Khả năng trả nợ** là khả năng trả các khoản nợ khi chúng đến hạn.
- **Sự linh hoạt tài chính** là khả năng đối phó và điều chỉnh đối với các cơ hội và thách thức.

Bảng cân đối kế toán: tài sản

	<u>2010</u>	<u>2009</u>
Tiền	85,632	7,282
A/R	878,000	632,160
Hàng tồn kho	<u>1,716,480</u>	<u>1,287,360</u>
Tổng TSNH	2,680,112	1,926,802
Tổng TSCĐ	1,197,160	1,202,950
Trừ: KH	<u>380,120</u>	<u>263,160</u>
TSCĐ rỗng	<u>817,040</u>	<u>939,790</u>
Tổng TS	<u><u>3,497,152</u></u>	<u><u>2,866,592</u></u>

Bảng cân đối kế toán: Nợ và VCSH

	<u>2010</u>	<u>2009</u>
Phải trả	436,800	524,160
Vay ngắn hạn	300,000	636,808
CP chờ phân bổ	<u>408,000</u>	<u>489,600</u>
Tổng Nợ NH	1,144,800	1,650,568
Nợ dài hạn	400,000	723,432
Cổ phiếu thường	1,721,176	460,000
Lợi nhuận giữ lại	<u>231,176</u>	<u>32,592</u>
Vốn CSH	<u>1,952,352</u>	<u>492,592</u>
Tổng Nợ & VCSH	<u><u>3,497,152</u></u>	<u><u>2,866,592</u></u>

Báo cáo kết quả kinh doanh

	2010	2009
Doanh thu	<u>7,035,600</u>	<u>6,034,000</u>
Giá vốn hàng bán	5,875,992	5,528,000
Các chi phí khác	<u>550,000</u>	<u>519,988</u>
EBITDA	609,608	(13,988)
Khấu hao	<u>116,960</u>	<u>116,960</u>
EBIT	492,648	(130,948)
Lãi vay	<u>70,008</u>	<u>136,012</u>
EBT	422,640	(266,960)
Thuế	<u>169,056</u>	<u>(106,784)</u>
TN ròng	<u><u>253,584</u></u>	<u><u>(160,176)</u></u>

Số liệu khác

	<u>2010</u>	<u>2009</u>
Số cổ phiếu		
EPS	250,000	100,000
DPS	\$1.014	-\$1.602
Giá cổ phiếu	\$0.220	\$0.110
Trả tiền thuê	\$12.17	\$2.25
	\$40,000	\$40,000

Tính toán các chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán của công ty dự báo năm 2010

Khả năng thanh toán chung = Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn

$$= \$2,680 / \$1,145$$

$$= 2.34 \text{ lần}$$

Khả năng thanh toán nhanh = (TSNH – Tiền kho) / Nợ NH

$$= (\$2,680 - \$1,716) / \$1,145$$

$$= 0.84 \text{ lần}$$

Khả năng thanh toán tức thời = (Tiền & tương đương tiền) / Nợ đến hạn

$$= 85.6 / 1,144 = 0.07$$

Phân tích khả năng thanh toán

	2010	2009	2008	TB ngành
TT chung	2.34x	1.20x	2.30x	2.70x
TT nhanh	0.84x	0.39x	0.85x	1.00x
TT Tức thời	0.07x	0.005x	0.004x	0.4x

Phân tích dòng tiền

- Tiền mặt được sinh ra và sử dụng trong quá trình hoạt động như thế nào?
- Loại chi phí nào được hình thành từ tiền mặt ?
- Cổ tức được trả ra sao khi doanh nghiệp phải đương đầu với một sự thua lỗ trong kinh doanh?
- Nguồn tiền nào được dùng để trả nợ?
- Nguồn tiền đầu tư xuất phát từ đâu?
- Nguồn tiền nào được dùng để mua mới tài sản cố định?
- Tại sao tiền mặt lại giảm khi thu nhập tăng lên?
- Việc sử dụng tiền mặt thu được từ các nguồn tài trợ mới là gì?

Phân tích dòng tiền

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trực tiếp
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ gián tiếp

Phân tích dòng tiền

- Một số khoản mục đặc biệt:
 - Các khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ
 - Mua công ty bằng việc mua cổ phiếu
 - Chi phí hình thành quỹ trợ cấp lương hưu
 - Chứng khoán hóa các khoản phải thu

Hạn chế trong báo cáo LCTT

- Lợi tức và cổ tức được nhận và tiền lãi phải trả được xếp vào các dòng tiền hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được xếp vào dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh -> phân bổ cho các hoạt động không chính xác.
- Việc đưa những khoản lãi hay lỗ trước thuế do thanh lý tài sản hay các khoản đầu tư ra khỏi hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ làm sai lệch kết quả phân tích ở cả hai hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư.

Dòng tiền tự do FCF

	Dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh
-	Chi tiêu vốn để mở rộng SXKD
-	Chi trả cổ tức cho cổ phiếu ưu tiên và cổ phiếu thường
=	Dòng tiền tự do FCF
=	$FCF = NOPAT - \text{Thay đổi ở TSLĐ ròng (NOA)}$

Quan điểm phân tích

- Bạn là một nhà phân tích tín dụng về xếp hạng tín dụng cho các công ty thuộc lĩnh vực công nghiệp. Công ty bạn đang phân tích có một nền tảng chắc chắn về các dòng tiền ròng dương và các dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, dòng tiền tự do của công ty gần đây lại bị âm và bạn dự đoán rằng nó sẽ vẫn tiếp tục âm trong thời gian tới.
- Liệu bạn có thay đổi xếp hạng tín dụng của công ty hay không?

Phân tích dòng tiền

Phân tích dòng tiền là một cơ sở của giá trị

- Tính khả thi của việc tài trợ cho các chi phí mua sắm dùng cho sản xuất
- Nguồn hình thành tiền mặt trong việc mở rộng tài trợ.
- Phụ thuộc vào nguồn tài trợ bên ngoài (nợ lớn hơn vốn chủ sở hữu)
- Chính sách cổ tức trong tương lai
- Khả năng thanh toán nợ lãi
- Sự linh hoạt về tài chính đối với những nhu cầu và cơ hội phát sinh
- Sự điều hành tài chính của ban quản lý
- Chất lượng của các khoản thu nhập

Các chỉ số tính dòng tiền

- Tỷ số về mức độ thanh khoản của dòng tiền

Tổng dòng tiền từ hoạt động kinh doanh trong 3 năm

Tổng chi phí mua sắm dùng cho sản xuất, bổ sung hàng tồn kho và chi trả cổ tức trong 3 năm

Các chỉ số tính dòng tiền

- Tỷ số về dòng tiền tái đầu tư:

Dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh - Cổ tức

Tổng máy móc trang thiết bị + Đầu tư + Các tài sản khác + Vốn lưu động

Phân tích dòng tiền và khả năng thanh toán

- Ví dụ minh họa